

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11-8-2020

“V/v ly hôn giữa chị D-Anh H”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Doan.

Bà Vũ Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn V, xã A, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc H tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2013, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại xã H. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, anh H hay chửi bới và đánh đập chị dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 4/2020 mâu thuẫn càng tăng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh H.

-Về con chung: Chị D khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thái D2, sinh ngày 27/9/2014, ly hôn xảy ra chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị D khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H: anh xác nhận lời khai của chị D về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn nhưng anh xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D vẫn còn, anh đề nghị xin được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị D đã khai. Nếu trường hợp ly hôn xảy ra, anh nhận nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Q tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng

trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn và bị đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị D được ly hôn anh H. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thái D2, sinh ngày 27/9/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị D, anh H không có tài sản chung vì vậy không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn K, xã H, Huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Q, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Ngọc H được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, Huyện Q vào năm 2013 là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tại biên bản ghi lời khai của anh H ngày 16/6/2020 và tại phiên tòa, anh H thừa nhận đánh chị D khi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh cho rằng chị D hỗn láo. Tháng 4/2020 mâu thuẫn căng thẳng, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã A, Huyện Q sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh H. Đối với anh H, anh khai vẫn còn tình cảm với chị D

và xin được đoàn tụ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, để hai bên có cơ hội trở về đoàn tụ, nhưng chị D không đồng ý và kiên quyết đề nghị ly hôn. Qua xác minh cơ sở thôn K, xã H và cán bộ tư pháp xã A, xã H đều xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh H đã phát sinh mâu thuẫn và hiện tại hai bên đã sống ly thân, đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế hôn nhân để giải quyết nguyện vọng của chị D theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị D và anh H về nuôi dưỡng con chung cho thấy, chị D và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thái D2, sinh ngày 27/9/2014, chị D và anh H đều đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại cả anh H và chị D đều có công việc, có thu nhập ổn định. Hiện chị D làm nhân viên hành chính văn phòng tại công ty TNHH Việt Hàn có địa chỉ tại xã Thống Nhất, Huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, sáng đi, tối về, mức thu nhập trung bình 16 triệu đồng/tháng. Vì vậy có điều kiện kinh tế và thời gian chăm sóc con chung. Còn anh H hiện đang làm công nhân trên tàu thủy tại Công ty vận tải Việt Thuận có địa chỉ tại Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh, mức thu nhập trung bình 12 triệu đồng/tháng, do điều kiện công việc và khoảng cách địa lý nên một tuần anh mới về nhà một lần. Do anh H đi làm xa, nếu giao con chung cho anh H nuôi dưỡng thì rất khó khăn cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D về giao và nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị D, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5] Về án phí và lệ phí tòa án: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh H có quyền kháng cáo bản án theo

quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

2/Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thái D2, sinh ngày 27/9/2014 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004377 ngày 15/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Q thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị D và anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND Huyện Q.
- Chi cục THADS Huyện Q.
- UBND xã H.
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC

